

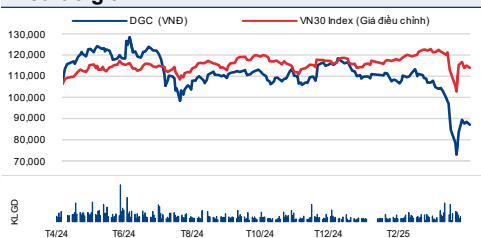
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ133,000
Tiềm năng tăng/giảm: 52.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/4/2025)	87,100
Mã Bloomberg	DGC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	73,100-128,307
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	87,600
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	33,079
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,278
Slg CP lưu hành (tr.đv)	380
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	186
Slg CP NN được mua (tr.đv)	118
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.9%
Tỷ lệ freefloat	60.9%
Cổ đông lớn	Đào Hữu Huyền (18.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	9,748	10,098	13,012
EBITDA đc (tỷ đồng)	3,204	3,301	3,833
LNTT (tỷ đồng)	3,485	3,409	4,053
LNT ĐC (tỷ đồng)	2,770	2,852	3,334
FCF (tỷ đồng)	2,533	1,835	2,249
EPS ĐC (đồng)	7,294	7,511	8,778
DPS (đồng)	3,000	3,000	3,000
BVPS (đồng)	30,826	35,288	41,039
T.trưởng EBITDA (%)	(49.0)	3.05	16.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	(44.3)	(3.42)	16.8
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	32.9	32.7	29.5
Tỷ suất LNTT (%)	35.8	33.8	31.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	31.8	29.6	26.9
Tỷ lệ LN trả CT (%)	36.8	38.1	32.6
Nợ thuần/VCSH (%)	2.81	4.82	5.27
ROAE (%)	28.0	23.8	24.1
ROAC (%)	24.8	21.4	21.9
EV/doanh thu (lần)	3.42	3.34	2.61
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.4	10.2	8.85
P/E ĐC (lần)	11.9	11.6	9.92
P/B (lần)	2.83	2.47	2.12
Lợi suất cổ tức (%)	3.44	3.44	3.44

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DGC là doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu hàng đầu sản phẩm có gốc photpho tại Việt Nam, bao gồm photpho vàng, axit photphoric, phân bón và phụ gia TACN. Công ty cũng đang mở rộng hoạt động của mình sang sản phẩm như xút, clo, etc bên cạnh các sản phẩm lâu đời của công ty như bột giặt.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q1/2025: Lợi nhuận thuần tăng mạnh 20% so với cùng kỳ, sát với dự báo

- KQKD Q1/2025 của DGC ghi nhận lợi nhuận thuần đạt 809 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ và tăng 8% so với quý trước, trên doanh thu thuần 2.810 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ và 16% so với quý trước). Kết quả này bằng lần lượt 22% và 23% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cho cả năm 2025 của HSC.
- Động lực chính thúc đẩy KQKD tích cực này đến từ sản lượng tiêu thụ P4 tăng mạnh, ước tính tăng 27% so với cùng kỳ và 23% so với quý trước.
- Xuất khẩu đóng góp khoảng 70% doanh thu. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng tác động trực tiếp từ thuế đối ứng đối với DGC là khá hạn chế.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với DGC. Sau nhịp điều chỉnh gần đây, DGC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11 lần, so với bình quân 4 năm ở mức 9,5 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2025

Vào thứ Hai ngày 21/4, DGC đã công bố KQKD Q1/2025, theo chúng tôi đánh giá là tích cực và sát với dự báo. Doanh thu tăng 18% so với cùng kỳ (và 16% so với quý trước) đạt 2.810 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận thuần tăng 20% so với cùng kỳ (và 8% so với quý trước). Các kết quả này bằng lần lượt 22% và 23% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cho cả năm 2025 của HSC.

Doanh thu tăng trưởng nhờ nhu cầu P4 mạnh mẽ

Doanh thu thuần Q1/2025 được đẩy mạnh nhờ nhu cầu cao đối với phốt pho vàng (P4) (ước tính tăng khoảng 30% so với cùng kỳ), phân DAP (tăng khoảng 37% so với cùng kỳ) và các sản phẩm phân bón và hóa chất khác (tăng lần lượt khoảng 18% và 15% so với cùng kỳ).

Dù chi tiết sản lượng tiêu thụ chưa được công bố, HSC ước tính sản lượng tiêu thụ P4 tăng 27% so với cùng kỳ (và 23% so với quý trước). Thị trường Nhật Bản được cho là đóng góp khoảng 40% sản lượng xuất khẩu, phần còn lại đến từ các thị trường truyền thống như Hàn Quốc, Đài Loan và UAE.

Xuất khẩu – chủ yếu là P4 và axit photphoric nhiệt (TPA) – đóng góp khoảng 70% doanh thu của DGC trong khi thị trường nội địa (phân bón và sản phẩm khác) đóng góp 30% còn lại. Cơ cấu thị trường nhìn chung không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ và so với quý trước.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2025, DGC

Tăng mạnh, nhờ đóng góp của P4

Tỷ đồng	Q1/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	Dự báo 2025	Tăng trưởng	% hoàn thành dự báo
Doanh thu thuần	2,810	17.8%	16.2%	13,012	31.8%	21.6%
Lợi nhuận gộp,	980	27.9%	10.6%	4,174	20.2%	23.5%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	34.9%	+2.8 ppts	-1.8 ppts	32.1%	-2.2 ppts	
Lợi nhuận HĐ tài chính	149	1.4%	-4.4%	762	20.6%	19.6%
Chi phí BH&QL	(152)	4.3%	-12.6%	(872)	26.9%	17.4%
Chi phí BH&QL/Doanh thu	5.4%	-0.7 ppts	-1.8 ppts	6.7%	-0.1 ppts	
LNTT	837	18.9%	6.3%	3,657	17.7%	22.9%
Lợi nhuận thuần	809	20.3%	8.0%	3,498	17.1%	23.1%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	28.8%	+0.6 ppts	-2.2 ppts	26.9%	-3.4 ppts	

Nguồn: DGC, HSC

Lợi nhuận thuần được hỗ trợ thêm nhờ tỷ suất lợi nhuận tăng so với cùng kỳ

Bên cạnh tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận thuần trong kỳ cũng được hỗ trợ nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện so với cùng kỳ và chi phí được quản lý hiệu quả hơn. Cụ thể như sau:

- **Tỷ suất lợi nhuận gộp** trong Q1/2025 tăng lên mức 34,9% từ 32,1% của Q1/2024 (dù giảm nhẹ so với quý trước và so với mức 36,7% của Q4/2024). HSC cho rằng giá bán bình quân tăng (ước tính 1% tính theo USD) cũng góp phần hỗ trợ tỷ suất lợi nhuận (được ghi nhận bằng VND).
- **Tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu (BH&QL/DT)** giảm mạnh xuống mức 5,4% trong Q1/2025, so với 6,1% trong Q1/2024 và 7,2% trong Q4/2024, chủ yếu nhờ vào hiệu quả trong kiểm soát chi phí.

Do đó, chi phí BH&QL chỉ tăng nhẹ 4% so với cùng kỳ trong khi doanh thu tăng mạnh hơn ở mức 18% so với cùng kỳ. So với quý trước, chi phí BH&QL giảm 13% trong khi doanh thu tăng 16%.

- **Lợi nhuận tài chính** đạt 149 tỷ đồng trong Q1/2025, tăng 1% so với cùng kỳ nhưng giảm 4% so với quý trước. Tại thời điểm cuối Q1/2025, DGC sở hữu lượng tiền mặt thuần là 10,2 nghìn tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước, tương đương tỷ lệ tiền mặt thuần/vốn CSH ở mức rất cao là 71,3%, so với 69,1% của Q1/2024 (dù giảm nhẹ so với mức 71,7% của Q4/2024).

Thuế đối ứng của Mỹ dự kiến sẽ có tác động hạn chế đến DGC

Lưu ý, các thị trường xuất khẩu chính của DGC (đóng góp khoảng 70% doanh thu) là Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ và UAE. Thị trường Mỹ đóng góp chưa đến 2% doanh thu của DGC.

Ngoài ra, sản phẩm P4 của DGC chủ yếu được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho ngành bán dẫn, vốn được miễn trừ khỏi các loại thuế đối ứng hiện tại, do đó tác động trực tiếp từ chính sách thuế của Mỹ là khá hạn chế. Bên cạnh đó, việc siết chặt kiểm soát đối với sản phẩm P4 và acid phosphoric nhiệt (TPA) của Trung Quốc trên thị trường quốc tế dự kiến sẽ giúp gia tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm Việt Nam, góp phần bù đắp phần nào sự suy yếu trong nhu cầu toàn cầu nếu xảy ra suy thoái kinh tế.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm 17% trong 1 tháng qua giữa bối cảnh bất định liên quan đến chính sách thuế của Tổng thống Trump, DGC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11 lần, cao hơn bình quân 4 năm ở mức 9,5 lần. Mặc dù đang giao dịch ở mức định giá cao hơn bình quân nhưng HSC cho rằng mức định giá cao này là hợp lý nhờ triển vọng dài hạn tích cực của Công ty. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với DGC với giá mục tiêu là 133.000đ (tiềm năng tăng giá 53%).

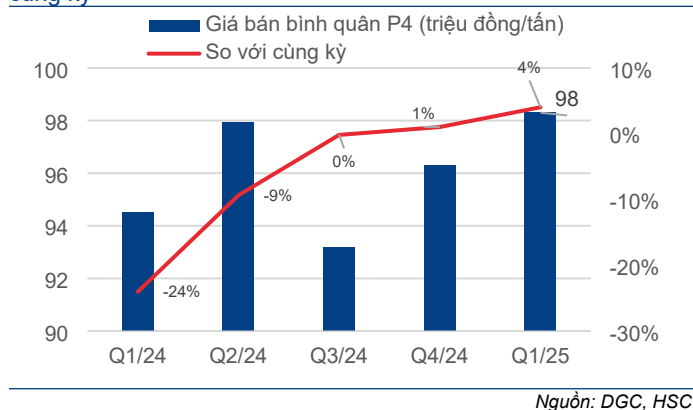
Vì KQKD Q1/2025 nhìn chung sát với dự báo, chúng tôi duy trì dự báo lợi nhuận cho năm 2025 với lợi nhuận thuần tăng trưởng 17% đạt 3.498 tỷ đồng. Trong năm 2025, chúng tôi kỳ vọng sẽ có triển triển liên quan đến:

- Việc cấp phép mở rộng cho khai trường 25 và 19, dự kiến giúp tăng nguồn cung quặng apatit nội bộ cho DGC. Hiện tại, DGC tự chủ khoảng 80% nhu cầu quặng apatit, 20% còn lại được mua từ bên ngoài (trong nước hoặc nhập khẩu). Chúng tôi kỳ vọng các thủ tục cấp phép sẽ hoàn tất trong nửa cuối năm 2025.
- DGC hiện đang trong quá trình xin chấp thuận đầu tư cho một dự án phát triển BĐS tại trụ sở công ty. Nếu được phê duyệt, dự án này sẽ là yếu tố hỗ trợ KQKD thực hiện cao hơn dự báo lợi nhuận hiện tại của chúng tôi.

- DGC cũng đang tích cực phối hợp với tỉnh Đắk Nông để hoàn tất các thủ tục phê duyệt cho các dự án bauxite – mà HSC đánh giá là yếu tố quan trọng đối với triển vọng tăng trưởng dài hạn của công ty.

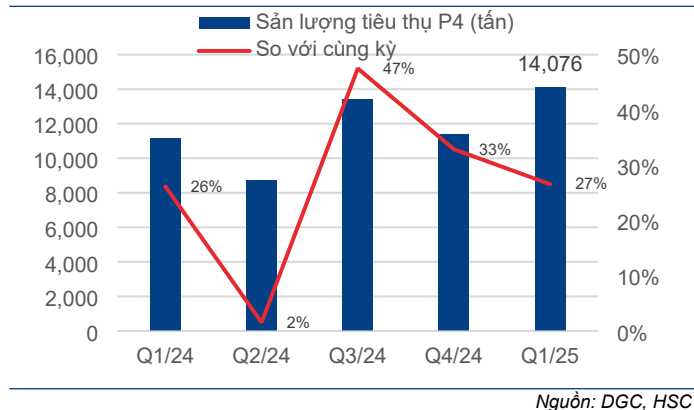
Biểu đồ 2: Giá bán bình quân P4 (triệu đồng/tấn), DGC

Giá bán bình quân P4 trong Q1/2025 ước tính tăng 4% so với cùng kỳ



Biểu đồ 3: Sản lượng tiêu thụ P4, DGC

Nhu cầu tăng mạnh trong Q1/2025



BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	14,444	9,748	10,098	13,012	16,486
Lợi nhuận gộp	6,750	3,440	3,472	4,174	4,875
Chi phí BH&QL	(752)	(594)	(687)	(872)	(1,088)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	5,998	2,846	2,785	3,302	3,787
Lãi vay thuần	384	641	632	762	922
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	(5.90)	(1.38)	(8.08)	(10.4)	(13.2)
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	6,376	3,485	3,409	4,053	4,696
Chi phí thuế TNDN	(339)	(243)	(290)	(405)	(470)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(472)	(142)	(125)	(150)	(165)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,565	3,100	2,994	3,498	4,061
Lợi nhuận thuần ĐC	5,434	2,770	2,852	3,334	3,872
EBITDA ĐC	6,283	3,204	3,301	3,833	4,513
EPS (đồng)	14,653	8,163	7,884	9,211	10,694
EPS ĐC (đồng)	14,309	7,294	7,511	8,778	10,194
DPS (đồng)	4,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	380	380	380	380	380
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	380	380	380	380	380
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	380	380	380	380	380

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	1,535	1,061	149	239	684
Đầu tư ngắn hạn	7,471	9,342	11,000	13,000	16,000
Phải thu khách hàng	919	1,130	1,010	1,366	1,813
Hàng tồn kho	1,000	855	928	1,149	1,393
Các tài sản ngắn hạn khác	59.8	79.7	82.5	130	165
Tổng tài sản ngắn hạn	10,985	12,467	13,169	15,884	20,055
TSCĐ hữu hình	2,015	2,331	2,502	3,116	2,690
TSCĐ vô hình	0.09	352	341	330	320
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	376	420	414	424	436
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	29.0	31.2	32.8	34.4	36.1
Tổng tài sản dài hạn	2,420	3,134	3,290	3,905	3,481
Tổng cộng tài sản	13,405	15,601	16,459	19,789	23,537
Nợ ngắn hạn	468	1,328	795	1,061	1,161
Phả trả người bán	326	190	0	0	0
Nợ ngắn hạn khác	1,653	1,833	1,729	2,453	3,208
Tổng nợ ngắn hạn	2,571	3,493	2,525	3,513	4,369
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	70.0	77.0	84.7	93.2
Nợ dài hạn khác	0.10	0.27	0.28	0.29	0.30
Tổng nợ dài hạn	0.10	70.3	77.3	85.0	93.5
Tổng nợ phải trả	2,572	3,563	2,602	3,598	4,462
Vốn chủ sở hữu	10,451	11,707	13,402	15,586	18,305
Lợi ích cổ đông thiểu số	382	330	455	605	770
Tổng vốn chủ sở hữu	10,834	12,037	13,857	16,190	19,074
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,405	15,601	16,459	19,789	23,537
BVPS (đ)	27,519	30,826	35,288	41,039	48,198
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(1,068)	267	646	822	477

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	5,998	2,846	2,785	3,302	3,787
Khấu hao	(285)	(358)	(516)	(531)	(726)
Lãi vay thuần	384	641	632	762	922
Thuế TNDN đã nộp	(303)	(265)	(290)	(405)	(470)
Thay đổi vốn lưu động	(123)	(201)	(496)	(47.1)	(154)
Khác	62.0	14.1	(8.08)	(10.4)	(13.2)
LCT thuần từ HKKD	5,937	2,784	2,528	3,393	3,904
Đầu tư TS dài hạn	(157)	(251)	(693)	(1,144)	(300)
Góp vốn & đầu tư	(7,104)	(9,182)	(1,075)	(1,285)	(2,120)
Thanh lý	3,434	7,094	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(3,828)	(2,338)	(1,768)	(2,429)	(2,420)
Cổ tức trả cho CSH	(411)	(1,774)	(1,139)	(1,139)	(1,139)
Thu từ phát hành CP	85.4	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(371)	853	(533)	265	100
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(697)	(920)	(1,672)	(874)	(1,039)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	124	1,535	1,061	149	239
LCT thuần trong kỳ	1,412	(475)	(912)	89.9	445
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.41)	0.00	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,535	1,061	149	239	684
Dòng tiền tự do	5,779	2,533	1,835	2,249	3,604

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	46.7	35.3	34.4	32.1	29.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	43.5	32.9	32.7	29.5	27.4
Tỷ suất LNT (%)	38.5	31.8	29.6	26.9	24.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	5.31	6.99	8.50	10.0	10.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	51.2	(32.5)	3.59	28.9	26.7
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	123	(49.0)	3.05	16.1	17.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	132	(49.0)	2.97	16.9	16.1
Tăng trưởng EPS (%)	4.97	(44.3)	(3.42)	16.8	16.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	4.43	(49.0)	2.97	16.9	16.1
Tăng trưởng DPS (%)	300	(25.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	27.3	36.8	38.1	32.6	28.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	67.3	28.0	23.8	24.1	24.0
ROACE (%)	69.9	24.8	21.4	21.9	21.4
Vòng quay tài sản (lần)	1.32	0.67	0.63	0.72	0.76
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.99	0.98	0.91	1.03	1.03
Số ngày tồn kho	47.4	49.5	51.1	47.5	43.8
Số ngày phải thu	43.6	65.4	55.6	56.4	57.0
Số ngày phải trả	15.5	11.0	0	0	0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(9.93)	2.81	4.82	5.27	2.61
Nợ/tài sản (%)	3.71	8.91	4.83	5.36	4.93
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.08	0.43	0.24	0.28	0.26
Chỉ số TT hiện thời (lần)	4.27	3.57	5.22	4.52	4.59
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.22	3.42	3.34	2.61	2.04
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.09	10.4	10.2	8.85	7.44
P/E (lần)	5.94	10.7	11.0	9.46	8.14
P/E ĐC (lần)	6.09	11.9	11.6	9.92	8.54
P/B (lần)	3.17	2.83	2.47	2.12	1.81
Lợi suất cổ tức (%)	4.59	3.44	3.44	3.44	3.44

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn